TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/DS-PT
Ngày 17/7/2018
V/v "Tranh chấp Đòi di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đình Thắng

Các Thẩm Phán: Ông Trương chí Trung

Ông Ngô Hà Nam

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lại Thị Thanh Huyền, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2017/DS-PT ngày 11 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp Đòi di sản thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2018/DS-ST ngày 02/3/2018 của Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1938; Địa chỉ: 3 đường S, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: số 2 đường T, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn B - sinh năm: 1968; Địa chỉ: số 3 đường S, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền lập ngày 13/01/2017 tại Văn phòng công chứng Điện Bàn), có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Quốc D - sinh năm 1965, Địa chỉ: Số 11 đường 2, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Hà Đồng T, Luật sư của Văn Phòng Luật Sư Hà Đồng T; địa chỉ: số 6 đường T, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị S - sinh năm 1940; Địa chỉ: thôn T, xã P, thị xã Đ, Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn B - sinh năm: 1968; Địa chỉ: số 3 đường S, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền lập ngày 13/01/2017 tại Văn phòng công chứng Đ), có mặt.

- Bà Trần Thị Thu T - sinh năm 1947.
- Bà Phan Thị Thu N - sinh năm 1967.
- Bà Phan Thị Thu P - sinh năm 1972.
- Bà Phan Thị Thu T - sinh năm 1982.

Cùng trú tại: Khu phố 4 T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, bà N, bà P, bà T là ông Nguyễn Văn B; Địa chỉ: số 3 đường S, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền lập ngày 03/4/2017 tại Văn phòng công chứng L), có mặt.

- Ông Phan Phước T - sinh năm 1970.
- Ông Phan Phước A - sinh năm 1974.
- Ông Phan Phước T - sinh năm 1978.
- Ông Phan Phước M - sinh năm 1980.

Cùng trú tại: Khu phố 4 T, thị xã L, tỉnh B.

- Ông Phan Phước D - sinh năm 1976; Trú tại: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, ông A, ông D, ông T, ông M là ông Nguyễn Văn B; Địa chỉ: số 3 đường S, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền lập ngày 11/01/2017 tại Văn phòng công chứng L), có mặt.

- Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1965.

- Ông Lê Văn H - sinh năm 1990.

- Bà Hoàng Thị Kim A - sinh năm 1991

Cùng trú tại: Số 11 đường 2, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H và ông H, bà A là ông Lê Quốc D (Giấy ủy quyền lập ngày 10/7/2018 tại UBND phường H), có mặt.

- Cháu Lê Huỳnh T - sinh năm 2013 và cháu Lê Hoàng N - sinh năm 2015. Người đại diện theo pháp luật là ông Lê Văn H và bà Hoàng Thị Kim A - là cha mẹ ruột của cháu T và cháu N (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 11 đường 2, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Lê T - sinh năm 1940; Địa chỉ: Tổ 2 T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê T là ông Nguyễn Văn T (Theo giấy ủy quyền lập ngày 06/7/2018 tại UBND phường H), có mặt.

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1947; Địa chỉ: số 2 H 6, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, (vắng mặt).

- Ông Lê Văn A - sinh năm 1965, (vắng mặt).

- Ông Lê Văn T - sinh năm 1967, (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 3 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Lê Văn Ô - sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ 4 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, (vắng mặt).

4. Người làm chứng:

- Ông Đoàn Ngọc T - sinh năm 1931; Địa chỉ: Tổ 5 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt

- Ông Phan Phước S - sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn T, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Ông Lê Nhật C - sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ 7 phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Do có kháng cáo của bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn trong vụ án; kháng cáo của Ông Lê Quốc D là bị đơn và kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, ông Lê T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày**:** Thân phụ và thân mẫu của bà Phan Thị T là ông Phan Phước T (chết) và bà Nguyễn Thị A (chết) đã sinh được 11 người con. Trong đó có 03 người còn sống và lập gia đình gồm:

1. Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1908 - chết năm 1991.
2. Ông Phan Phước Đ (A), sinh năm 1914- chết năm 1952.
3. Bà Phan Thị T, sinh năm 1932 - chết năm 2004; Những người còn lại đa số vừa sinh ra đã chết.

Bà Phan Thị Đ có chồng là ông Nguyễn T (chết năm 1945) sinh được 02 người con là: Bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị S.

- Ông Phan Phước Đ (A) có vợ là bà Nguyễn Thị C (chết năm 1953) sinh được 03 người con gồm: Phan Phước L (sinh năm 1943 - chết 1943), Phan Phước H (sinh năm 1945 - chết năm 1945) và Phan L (sinh năm 1941 - chết năm 2009).

Ông Phan L lấy vợ là bà Trần Thị Thu T - sinh năm 1947; sinh được 08 người con gồm:

Phan Phước T, Phan Phước A, Phan Phước D, Phan Phước T, Phan Phước M, Phan Thị Thu N, Phan Thị Thu P, Phan Thị Thu T.

Bà Phan Thị T (chết năm 2004) có chồng là ông Lê L, sinh năm 1929 (là Liệt sĩ, hy sinh năm 1963). Bà T và ông L không có con chung, con riêng, con nuôi.

Khi còn sống bà T có hộ khẩu thường trú tại tổ 3 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vào năm 1990 Nhà nước có bố trí cho bà T một lô đất diện tích 105

m^2 thửa đất số 37 tờ bản đồ số 81 tại tổ 3 phường C (nay là H), quận H, thành phố Đà Nẵng.

Vào tháng 10/2004 bà Phan Thị T chết vì bị bệnh.

Năm 2007, ông Lê Quốc D là cháu ruột ông Lê L gọi bà T là bác dâu, tiến hành xây nhà ở tại thửa đất trên của bà T. Bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S (cháu gọi bà Phan Thị T là dì ruột) đã nhiều lần yêu cầu ông D tháo dỡ nhưng ông D vẫn không thực hiện. Gia đình bà N đã có đơn khiếu nại gửi đến các cơ quan có thẩm quyền.

Nay bà Nguyễn Thị N khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Công nhận lô đất ở diện tích là 60,9m^2, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 81, địa chỉ: Tổ 3 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sử dụng của bà Phan Thị T là di sản của bà Phan Thị T để lại cho các đồng thừa kế hàng thứ 3 theo qui định của pháp luật gồm: bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S, bà Trần Thị Thu T, ông Phan Phước T, ông Phan Phước A, ông Phan Phước D, ông Phan Phước T, ông Phan Phước M, bà Phan Thị Thu N, bà Phan Thị Thu P và bà Phan Thị Thu T (không yêu cầu chia).

- Các đồng thừa kế hàng thứ 3 thỏa thuận bà Nguyễn Thị N là người đại diện của các đồng thừa kế đứng ra quản lý, sử dụng và lập các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung.

- Yêu cầu ông Lê Quốc D cùng gia đình là người chiếm dụng đất và xây dựng trái phép nhà trên đất của bà Phan Thị T phải tháo dỡ ngôi nhà có cấu trúc 03 tầng + tầng lửng, mái bê tông cốt thép tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 81, diện tích xây dựng khoảng 180 m^2, địa chỉ: tổ 3 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng để lại nguyên trạng lô đất trên.

Bị đơn ông Lê Quốc D trình bày: Năm 1990, sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự quốc tế chiến trường Campuchia, được xuất ngũ và trở về tham gia công tác tại địa phương là phường C, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Cùng hộ khẩu với gia đình ông D có bác Phan Thị T là vợ Liệt sĩ Lê L, ông Lê L là bác ruột của ông D. Bác T không có con nên sau khi bác Lê L hy sinh vào năm 1963 bác T đã chuyển từ xã P, huyện B, tỉnh Quảng Nam ra ở với gia đình ông tại phường C để làm ăn sinh sống.

Vào năm 1990 - 1993 phường C thành lập Hội đồng khảo sát quy hoạch đất đai, để tham mưu cho Đảng ủy - HĐND - UBND phường xét cấp đất cho các đối tượng chính sách và nhân dân trong phường làm nhà. Ông D và bác T làm đơn đề nghị Hội đồng giải quyết cấp đất của phường xem xét. Qua 02 đơn xin đất làm nhà của bác T và của ông D có cùng 01 hộ khẩu, bác T là vợ liệt sĩ, không có con, già yếu, neo đơn không thể cấp hai lô đất, nên chỉ cấp 01 lô đất đứng tên bác Phan Thị T. Lô đất có diện tích 105m2, tại tổ 30 khối T, C mang tên bác T theo chế độ vợ Liệt sĩ. Ông D là người ký và nhận đất phường cấp, đóng các khoản lệ phí ngân sách phường cùng các khoản tiền khác cho đến nay. Ông D đã đầu tư công sức, tiền của để cải tạo, bồi trúc lô đất được cấp. Ông D khẳng định phần đất được cấp thuộc sở hữu của vợ chồng ông D và bác Phan Thị T, nhưng để bác Phan Thị T đứng tên.

Sau khi nhận đất ngày 24/12/1990 ông D làm đơn xin làm nhà ở trên lô đất được UBND phường cấp cho ông D và bà T, được UBND phường xác nhận đồng ý và chuyển lên cấp trên giải quyết. Ông D đã đầu tư kinh phí để tôn tạo nền móng và xây dựng nhà cấp 4 mái lợp tôn. Cùng thời gian này bà Phan Thị T giúp việc và ở lại gia đình chủ nhà, nên ngôi nhà chỉ có gia đình ông D sử dụng và làm nơi thờ tự Liệt sĩ Lê L. Suốt từ năm 1990 đến nay gia đình ông đã quản lý sử dụng ngôi nhà để ở và thờ cúng liệt sĩ Lê L và bà Phan Thị T.

Năm 2004 bà T bị bệnh xuất huyết não, được gia đình chủ nhà nơi bà T ở và gia đình ông D tận tình chăm sóc, nhưng do tuổi cao, bệnh nặng bà T đã qua đời.

Năm 2004, ông D làm hồ sơ xin kê khai ngôi nhà bà T đứng tên và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hướng dẫn của phòng Tài nguyên Môi trường quận. Đến năm 2006 gia đình ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2007 ông D xin phép và được cấp phép xây dựng làm nhà. Vợ chồng ông D đã xây nhà cấp 3 trên diện tích đất được cấp vào năm 2007 với chi phí khoảng 800.000.000 đồng.

Trong quá trình xây nhà thì bà N và bà S có đơn kiến nghị quận H, thành phố Đà Nẵng đề nghị xem xét việc ông D chiếm ở và xây dựng nhà trái phép.

Căn cứ vào đơn kiến nghị của bà S và bà N, UBND quận H ban hành Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 10/4/2007 về việc đình chỉ, thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 001490 do UBND quận H cấp ngày 14/9/2006.

Nay bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu gia đình ông D phải tháo dỡ phần nhà xây dựng trên đất và trả lại phần đất đã được cấp cho vợ chồng ông D thì không đồng ý.

* Người cơ quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Thu T cùng 8 người con của bà và ông Phan L là ông Phan Phước T, ông Phan Phước A, ông Phan Phước D, ông Phan Phước T, ông Phan Phước M, bà Phan Thị Thu N, bà Phan Thị Thu P và bà Phan Thị Thu T thống nhất trình bày: Đồng ý thống nhất với bà Nguyễn Thị N là người đứng đơn khởi kiện vụ án đối với tài sản là 01 lô đất có diện tích 60,9 m^2 tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 81, tổ 3 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng của bà Phan Thị T là tài sản của tất cả các thừa kế hàng thứ ba theo qui định pháp luật. Chúng tôi thỏa thuận bà Nguyễn Thị N là người đại diện của các đồng thừa kế đứng ra quản lý, sử dụng và lập các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chung. Yêu cầu ông Lê Quốc D cùng gia đình là người chiếm dụng đất và xây dựng trái phép nhà trên đất của bà Phan Thị T phải tháo dỡ ngôi nhà có cấu trúc 03 tầng + tầng lửng, mái bê tông cốt thép tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 81, diện tích xây dựng khoảng 180 m^2, địa chỉ: tổ 3 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng để lại nguyên trạng lô đất trên cho chúng tôi, để chúng tôi làm nơi thờ cúng bà T.

- Ông Lê T trình bày: Cha ông T là Lê Văn N và mẹ Lê Thị N, cha mẹ sinh được 05 người con gồm: Lê L, Lê X, Lê T, Lê Thị T và Lê Văn M và không có con nuôi hay con riêng. Ông Lê L, ông Lê X, ông Lê Văn M đều đã hy sinh trong thời kỳ kháng chiến. Lúc sinh thời ông Lê L có vợ là bà Phan Thị T, ông Lê X có vợ (chết) có hai người con chung là Lê Văn A và Lê Văn T, ông Lê Văn M không có vợ. Nguồn gốc lô đất được nhà nước cấp cho bà Phan Thị T và ông Lê Quốc D có

cùng hộ khẩu để ông D làm nhà ở. Nguyên trên lô đất đã có nhà cấp 4 do ông D làm để ở. Khi bác T còn sống thì ông Thiện và ông D đi xin cấp đất làm nhà để bác T ở và thờ cúng liệt sĩ Lê L. Sau khi bác T mất, ông Thiện ra UBND phường để làm giấy tờ xin khai nhận thừa kế và để cho ông D thừa kế lô đất. Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006 thì ông D xây nhà kiên cố như hiện nay.

Nay bà Nguyễn Thị N khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Lê Quốc D thì ông Thiện không đồng ý, vì lô đất này do ông trực tiếp lên UBND phường xin cấp đất để bà T và ông D làm nhà ở và thờ cúng Liệt sĩ.

- Bà Lê Thị T trình bày: bà thống nhất như lời khai của ông Lê T về hoàn cảnh gia đình của cha mẹ bà, bà không biết gì về nguồn gốc lô đất nhà nước cấp cho bà T và ông D. Nay bà Nguyễn Thị N khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Lê Quốc D thì bà không có ý kiến gì, do tuổi cao đi lại khó khăn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

- Ông Lê Văn A trình bày: Ông bà nội ông A có các con như sau: Bác ông là Lê L (Liệt sỹ), cha ông là Lê X (hy sinh năm 1969), mẹ ông là Tào Thị Q (chết), chú là Lê T, cô là Lê Thị T và chú là Lê Văn M (chết). Nguồn gốc đất tại địa chỉ: Số 1 đường 2, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng là của Liệt sĩ Lê L và vợ là bà Phan Thị T. Nay bà Nguyễn Thị N tranh chấp với ông Lê Quốc D ông không có ý kiến gì.

- Bà Hoàng Thị Kim A trình bày: Bà A về làm dâu nhà ông Lê Quốc D vào năm 2013, lúc này nhà đã được bố chồng là ông Lê Quốc D xây dựng xong, bà không có tham gia đóng góp công sức và tiền đối với nhà và đất tại địa chỉ số 1 đường 2, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N thì bà không có ý kiến gì.

- Ông Lê Văn Ô trình bày: ông Ô không có ý kiến gì về lô đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 81, địa chỉ: tổ 3 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Trước đây ông Ô có nhận của vợ chồng ông D số tiền 15.000.000 đồng là số tiền ông Ô đã có công bồi trúc trên lô đất này. Ông không có ý kiến gì về việc tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị N và ông Lê Quốc D.

Với nội dung trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2018/DS-ST ngày 02/3/2018 của Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ vào: - Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 100 Luật đất đai; Điều 166, 221, 609, 651 và 652 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" của bà Nguyễn Thị N đối với ông Lê Quốc D.

Xử:

1. Công nhận quyền sử dụng đất có diện tích đất là 60,9 m^2, tại thửa số 37, tờ bản đồ 81, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sử dụng bà Phan Thị T được để lại cho những người thuộc hàng thừa kế thứ ba của bà T gồm: bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S, bà Trần Thị Thu T, ông Phan Phước T, ông Phan Phước A, ông Phan Phước D, ông Phan Phước T, ông Phan Phước M, bà Phan Thị Thu N, bà Phan Thị Thu P và bà Phan Thị Thu T.

2. Giao toàn bộ tài sản gắn liền với đất nói trên là ngôi nhà có kết cấu nhà 03 tầng, tường xây, mái tôn+ đúc, sàn đúc, gác lửng đúc, nền gạch men với diện tích sử dụng là 224 m^2 cho những người thuộc hàng thừa kế thứ ba của bà T gồm bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S, bà Trần Thị Thu T, ông Phan Phước T, ông Phan Phước A, ông Phan Phước D, ông Phan Phước T, ông Phan Phước M, bà Phan Thị Thu N, bà Phan Thị Thu P và bà Phan Thị Thu T được quyền sở hữu.

3. Buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ ba của bà T gồm bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S, bà Trần Thị Thu T, ông Phan Phước T, ông Phan Phước A, ông Phan Phước D, ông Phan Phước T, ông Phan Phước M, bà Phan Thị Thu N, bà Phan Thị Thu P và bà Phan Thị Thu T phải có nghĩa vụ trích trả cho vợ chồng ông Lê Quốc D, bà Nguyễn Thị H giá trị tài sản gắn liền với đất và công bồi trúc đất nói trên tổng cộng số tiền là 855.521.240 đồng.

4. Buộc vợ chồng ông Lê Quốc D, bà Nguyễn Thị H, anh Lê Văn H (con ông Lê Quốc D), bà Hoàng Thị Kim A (là con dâu ông Lê Quốc D) Cháu Lê Huỳnh T và cháu Lê Hoàng N (là hai cháu nội của ông Lê Quốc D) phải giao trả lại toàn bộ nhà và đất nói trên cho những người thuộc hàng thừa kế thứ 3 của bà Phan Thị T gồm bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S, bà Trần Thị Thu T, ông Phan Phước T,

ông Phan Phước A, ông Phan Phước D, ông Phan Phước T, ông Phan Phước M, bà Phan Thị Thu N, bà Phan Thị Thu P và bà Phan Thị Thu T trọn quyền sử dụng và sở hữu.

5. Những người thuộc hàng thừa kế thứ ba của bà T gồm bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S, bà Trần Thị Thu T, ông Phan Phước T, ông Phan Phước A, ông Phan Phước D, ông Phan Phước T, ông Phan Phước M, bà Phan Thị Thu N, bà Phan Thị Thu P và bà Phan Thị Thu T được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ 81, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng theo qui định của pháp luật.

6. Chi phí định giá tài sản ông D phải chịu là 14.100.000 đồng (đã nộp, đã chi).

7. Chi phí định giá tài sản bà N phải chịu là 12.366.000 đồng (đã nộp, đã chi).

8. Án phí Dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Quốc D phải chịu là: 86.530.942 đồng

- Những người thuộc hàng thừa kế thứ ba của bà T gồm bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S, bà Trần Thị Thu T, ông Phan Phước T, ông Phan Phước A, ông Phan Phước D, ông Phan Phước T, ông Phan Phước M, bà Phan Thị Thu N, bà Phan Thị Thu P và bà Phan Thị Thu T phải chịu là: 37.665.637 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị N đã nộp là: 7.500.000 đồng theo biên lai thu số 5594 ngày 23/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, số tiền án phí còn phải nộp tiếp tục nộp là 30.165.637 đồng.

Kể từ khi bản có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Ngoài ra án sơ thẩm thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 16/3/2018 Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung Tòa án cấp sơ thẩm buộc những người hàng thừa kế thứ 3 phải trích trả cho ông Lê Quốc D số tiền 855.521.240 đồng là không đúng. Yêu cầu Toà án nhân

dân thành phố Đà Nẵng buộc ông D phải tháo dỡ nhà trả lại đất cho những người hàng thừa kế thứ 3

Ngày 15/3/2018 bị đơn ông Lê Quốc D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vì ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông D, bà H.

Ngày 16/3/2018 ông Lê T kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên như vậy đã xâm phạm đến quyền lợi của ông T vì ông phải được hưởng phần thừa kế của ông Lê L để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm và bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi đại diện VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn A, ông Lê Văn T, bà Lê Thị T, ông Lê Văn Ô đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do, nên HĐXX căn cứ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Lê Văn A, ông Lê Văn T, bà Lê Thị T, ông Lê Văn Ô.

[2] Xem xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì thấy:

Bà Phan Thị T, sinh năm 1932, chết năm 2004 có chồng là ông Lê L, sinh năm 1929, ông Lê L là Liệt sĩ, hy sinh năm 1963. Bà T và ông L không có con chung, con riêng hoặc con nuôi.

Về nguồn gốc đất: khi còn sống bà T có hộ khẩu cùng chung với gia đình ông Lê Quốc D thường trú tại tổ 3, phường C, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vào năm 1990 bà Phan Thị T và ông Lê Quốc D có làm hai tờ đơn xin bố trí đất để làm nhà ở. UBND phường C xem xét và bố trí cho gia đình chính sách là bà T một lô đất diện tích 105 m^2 thửa đất số 37 tờ bản đồ số 81 tại tổ 3 phường C (nay là H), quận H, thành phố Đà Nẵng, lô đất này do bà T đứng tên, nên thuộc quyền sở hữu của bà T là đúng.

[3] Ngày 24/12/1990 ông Lê Quốc D làm đơn xin làm nhà ở trên lô đất được UBND phường cấp cho bà T, UBND phường xác nhận đồng ý. Sau đó ông D đã đầu tư kinh phí để tôn tạo nền móng và xây dựng nhà cấp 4 mái lợp tôn. Cùng thời gian này bà Phan Thị T giúp việc và ở lại gia đình chủ nhà, nên ngôi nhà chỉ có gia đình ông D sử dụng và làm nơi thờ cúng Liệt sĩ Lê L suốt từ năm 1990 đến nay. Do đất này có tranh chấp và đã được giải quyết, nên diện tích đất chỉ còn lại 60,9 m^2. Ngày 10/6/2003, bà Phan Thị T có giấy xác nhận nguồn gốc đất ở và nhà ở đang sử dụng như trên và được UBND phường C xác nhận, sau đó bà Phan Thị T làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Tuy nhiên, do có đơn khiếu nại của ông Lê Quốc D gửi Sở tài nguyên, môi trường về việc tạm dừng việc xét cấp giấy chứng nhận của bà T vì phần nhà nằm trên diện tích đất mà bà T đang xin cấp đất là do ông Lê Văn Ô xây dựng. Tuy nhiên sau đó do bà T bị bệnh và đến ngày 07/10/2004 bà Phan Thị T đã qua đời.

Năm 2004, ông D làm hồ sơ xin kê khai ngôi nhà và diện tích đất do bà T đứng tên và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2006 gia đình ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2007 ông D xin phép và được cấp phép xây dựng làm ngôi nhà 03 tầng, do ông khai báo không đúng, nên sau khi có đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị S (là cháu bà T), nên Sở xây dựng thành phố Đà Nẵng có thông báo về việc đình chỉ, thu hồi và hủy Giấy phép xây dựng cấp cho ông D với lý do UBND quận Hải Châu ban hành Quyết định

số 737/QĐ-UBND ngày 10/4/2007 về việc đình chỉ, thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 001490 do UBND quận Hải Châu cấp ngày 14/9/2006 đứng tên ông Lê Quốc D. Do vậy bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị S là cháu gọi bà T là dì ruột có đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

[4] Xét về quyền khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Bà Phan Thị T, có chồng là ông Lê L mất năm 1963 (ông L là liệt sĩ). Trong quá trình kết hôn và chung sống ông L và bà T không có con chung, con riêng, con nuôi. Ngày 07/10/2004 bà T chết, không để lại di chúc. Tại biên bản họp ngày 29/9/2016 của Hội đồng gia tộc P, thôn T, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam thống nhất xác định về hàng thừa kế của bà Phan Thị T đã được UBND xã P xác nhận ngày 29/9/2016. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định không còn những người ở hàng thừa kế thứ nhất, thứ hai, chỉ còn những người thuộc hàng thừa kế thứ 3 theo qui định pháp luật là cháu của bà Phan Thị T gồm có: bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S và ông Phan L. Do ông L chết vào năm 2009 (chết sau bà T) nên bà Trần Thị Thu T là vợ ông L và cùng các con gồm: ông Phan Phước T, ông Phan Phước A, ông Phan Phước D, ông Phan Phước T, ông Phan Phước M, bà Phan Thị Thu N, bà Phan Thị Thu P và bà Phan Thị Thu T được hưởng phần tài sản của ông L. Tòa án cấp sơ thẩm xác định vợ ông Phan L và các con ông L ở hàng thừa kế thứ 3 là không đúng.

[5] Mặc khác tại đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án công nhận di sản thừa kế, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp quyền sử dụng đất" là không đúng với bản chất thực tế. Bởi lẽ diện tích đất trên của bà T hiện nay ông Lê Quốc D quản lý và xây dựng nhà trên mảnh đất này, do bà T chết không để lại di chúc, những người thừa kế theo pháp luật của bà T làm đơn khởi kiện nhằm mục đích đòi lại di sản thừa kế do người khác đang quản lý. Nên Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại quan hệ pháp luật tranh chấp "Đòi di sản thừa kế" cho phù hợp đúng với bản chất của vụ kiện.

[6] Do đó quyền sử dụng đất nói trên của bà Phan Thị T là di sản thừa kế được để lại cho những người thuộc hàng thừa kế thứ 3 là bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S, ông Phan L là đúng theo qui định tại các Điều 612, 651 của Bộ luật

dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử và chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[7] Tuy nhiên để xem xét một cách toàn diện và đưa ra phán quyết hợp tình, hợp lý thì phải thấy rằng: Vào thời điểm năm 1990 bà Phan Thị T và ông Lê Quốc D có chung cùng một hộ khẩu của nhà ông D, bà T và ông D đều là chế độ chính sách do có nhu cầu xin cấp đất để làm nhà ở, nên UBND phường đã cấp cho bà T một lô đất để làm nhà ở thờ cúng Liệt sỹ. Sau khi được cấp đất cho bà T, thì ông D làm đơn xây dựng nhà cấp 4 trên mảnh đất này, còn bà T thì đi làm ở lại giúp việc cho gia đình người khác cho đến khi qua đời. Do vậy phải xem xét đến công sức của ông Lê Quốc D để hình thành lên mảnh đất này như: Ông D là người trực tiếp làm đơn cho bà T xin cấp đất tại phường và cũng là người ký giấy nhận đất và viết giấy cam kết làm nhà thờ cúng Liệt sỹ, nộp các khoản ngân sách của phường, hàng năm đều nộp nghĩa vụ thuế, trông coi bảo quản, giữ gìn tôn tạo đất và làm nhà ở để thờ cúng Liệt sỹ Lê L. Ngoài ra vợ chồng ông D còn cơi nới mua thêm 09 m^2 đất để mảnh đất được hình thành như ngày hôm nay. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến công sức của ông D là thiếu sót làm ảnh hưởng nghiêm T đến quyền lợi của ông D. Nên Tòa án cấp phúc thẩm xem xét trích một phần giá trị đất giao cho ông D được hưởng là phù hợp.

[8] Ngoài ra cấp sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng ông Lê Quốc D, bà Nguyễn Thị H phải giao trả lại toàn bộ nhà và đất nói trên cho những người thuộc hàng thừa kế thứ 3 của bà Phan Thị T và buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ ba của bà T phải có nghĩa vụ trích trả cho vợ chồng ông Lê Quốc D, bà Nguyễn Thị H giá trị tài sản gắn liền với đất và công bồi trúc đất nói trên là không hợp lý bởi lẽ: Gia đình ông Lê Quốc D ở và sinh hoạt trên mảnh đất này từ năm 1990 đến nay, bản thân ông D đang thờ cúng Liệt sỹ Lê L và bà Phan Thị T, gia đình có nhiều nhân khẩu, mặc khác gia đình ông D chỉ có một ngôi nhà ở này là duy nhất. Còn đối với những người ở hàng thừa kế thứ 3 của bà T đa số là ở khác tỉnh, đều đã có chỗ ổn định. Do vậy HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao toàn bộ nhà và đất cho vợ chồng ông D sử dụng. Ông D, bà H có nghĩa vụ thanh toán phần giá trị đất sau khi trừ đi công sức bảo quản tôn tạo di sản cho những người ở hàng thừa kế thứ 3

của bà T là hợp lý.

Cụ thể: Căn cứ chứng thư thẩm định giá ngày 05/7/2017 của Công ty cổ phần thẩm định gía B giá trị quyền sử dụng đất với diện tích 69,8 m^2 là 3.125.008.083 đồng, đơn giá là 44.770.889đ/m^2. Bà Nguyễn Thị N, chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông D trả lại diện tích đất 60,9m^2 là di sản thừa kế của bà T, nên diện tích đất có giá trị là 60,9m^2 x 44.770.889đồng/ m^2 = 2.726.547.140 đồng.

Tiền công sức duy trì bảo quản, tôn tạo đất của ông D được tính theo tỉ lệ giá trị đất như sau: ông Lê Quốc D được nhận 30% giá trị, thành tiền là 817.964.142 đồng. Những người thừa kế của bà T được nhận 70 % giá trị, thành tiền là 1.908.582.998 đồng

[9] Như vậy ông Lê Quốc D và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền: 1.908.582.998 đồng cho những người thuộc hàng thừa kế của bà T gồm: bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S và ông Phan Văn L (do ông L chết nên phần tài sản của ông Lượm được giao cho bà Trần Thị Thu T là vợ cùng các con ông Phan Phước T, ông Phan Phước A, ông Phan Phước D, ông Phan Phước T, ông Phan Phước M, bà Phan Thị Thu N, bà Phan Thị Thu P và bà Phan Thị Thu T được hưởng) là hợp lý.

[10] Đối với kháng cáo của ông Lê T thì thấy đất này thuộc quyền sử dụng của bà Phan Thị T, ông Lê L là chồng của bà T, hy sinh vào năm 1963, đến năm 1990 bà Phan Thị T mới được UBND phường C cấp đất, như vậy tại thời điểm ông Lê L hy sinh thì chưa được cấp đất. Do vậy ông Lê T là em ruột ông Lê L yêu cầu được hưởng phần tài sản này là không có căn cứ chấp nhận.

[11] Từ những phân tích nhận định nêu trên, việc nguyên đơn kháng cáo yêu cầu bị đơn phải tháo dỡ nhà để trả lại đất là không phù hợp. HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và không chấp nhận kháng cáo của ông Lê T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đòi được hưởng di sản thừa kế. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H.

[12] Tại phiên tòa Luật sư đề nghị HĐXX xem xét đến quyền lợi của bị đơn ông Lê Quốc D cũng như việc giao nhà và đất cho bị đơn là hợp tình hợp lý. Vấn đề này HĐXX vào nghị án và quyết định.

Do sửa bản án sơ thẩm nên phần án phí sơ thẩm tính lại như sau:

Án phí Dân sự sơ thẩm ông Lê Quốc D, bà Nguyễn Thị H phải chịu: 1.908.582.998 đồng = 36.000.000 đồng + (3% x 1.108.582.998 đồng) = 69.257.490 đồng

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị N đã nộp là: 7.500.000 đồng theo biên lai thu số 5594 ngày 23/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

[13] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm của HĐXX, thư ký và các đương sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao toàn bộ nhà và đất cho vợ chồng ông D sử dụng. Ông D, bà H có nghĩa vụ thanh toán phần giá trị đất cho những người ở hàng thừa kế của bà T. Xét đề nghị của đại diện VKS phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100 Luật đất đai; Điều 166, 221, 612, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và không chấp nhận kháng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê T.

2/ Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Quốc D và chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2018/DS-ST ngày 02/3/2018 của Toà án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc *"Đòi di sản thừa kế"* đối với ông Lê Quốc D.

2.2. Công nhận quyền sử dụng đất có diện tích đất là 60,9 m^2, tại thửa số 37, tờ bản đồ 81, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế của bà Phan Thị T để lại cho những người thừa kế của bà T gồm: bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S và ông Phan L (do ông L chết nên bà Trần Thị Thu T là vợ và các con ông Phan Phước T, ông Phan Phước A, ông Phan Phước D, ông Phan Phước T, ông Phan Phước M, bà Phan Thị Thu N, bà Phan Thị Thu P và bà Phan Thị Thu T được hưởng phần tài sản của ông L).

2.3. Giao toàn bộ lô đất tại thửa số 37, tờ bản đồ 81, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, gắn liền với ngôi nhà 03 tầng có kết cấu tường xây, mái tôn+ đúc, sàn đúc, gác lửng đúc, nền gạch men cho ông Lê Quốc D và bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng.

Ông Lê Quốc D và bà Nguyễn Thị H được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

2.4. Sau khi khấu trừ 30% tiền công sức duy trì bảo quản, tôn tạo đất của ông D được hưởng, thì di sản thừa kế của bà T còn lại là 1.908.582.998 đồng (một tỉ chín trăm lẻ tám triệu, năm trăm tám hai nghìn chín trăm chín tám đồng)

2.5. Buộc ông Lê Quốc D và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị quyền sử dụng đất số tiền là 1.908.582.998 đồng (một tỉ chín trăm lẻ tám triệu, năm trăm tám hai nghìn chín trăm chín tám đồng) cho những người thuộc hàng thừa kế của bà Phan Thị T gồm: bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S và ông Phan L (do ông L chết nên bà Trần Thị Thu T là vợ và các con gồm ông Phan

Phước T, ông Phan Phước A, ông Phan Phước D, ông Phan Phước T, ông Phan Phước M, bà Phan Thị Thu N, bà Phan Thị Thu P và bà Phan Thị Thu T được hưởng giá trị phần tài sản của ông L)

2.6. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Quốc D, bà Nguyễn Thị H phải chịu là 69.257.490 đồng (sáu chín triệu hai trăm năm bảy nghìn bốn trăm chín mươi đồng)

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị N đã nộp là: 7.500.000 đồng theo biên lai thu số 5594 ngày 23/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4/ Án phí dân sự phúc thẩm:

4.1. Bà Nguyễn Thị N không chịu án phí phúc thẩm và được hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (biên lai thu số: 0001347 ngày 19/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4.2. Ông Lê Quốc D không chịu án phí phúc thẩm và được hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (theo biên lai thu số: 0001357 ngày 20/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng).

4.3. Bà Nguyễn Thị H không chịu án phí phúc thẩm và được hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (theo biên lai thu số: 0001356 ngày 20/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng).

4.4. Ông Lê T không chịu án phí phúc thẩm và được hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (theo biên lai thu số: 0001355 ngày 20/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng).

4.5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án và được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
-TAND quận Hải Châu
- Chi cục THA quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Đình Thắng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THÀNH VIÊN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Chí Trung **Ngô Hà Nam** **Võ Đình Thắng**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
-TAND quận Hải Châu
- Chi cục THA quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Đình Thắng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THÀNH VIÊN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Chí Trung **Cao Văn Hiếu** **Võ Đình Thắng**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
-TAND quận Hải Châu
- Chi cục THA quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Đình Thắng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THÀNH VIÊN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Chí Trung **Cao Văn Hiếu** **Võ Đình Thắng**